

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 14/4/2021

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Đình Trung**

2. Ông: **Nguyễn Phương Phú**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tráng** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trà** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐST- HNGĐ ngày 02/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị S**, sinh năm: 1956; địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1954; địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông V: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn V kết hôn vào năm 1979 có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng sống hạnh phúc được 40 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ 9/2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn, bà Trần Thị S đề nghị Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn V .

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con đẻ Nguyễn Văn P, sinh ngày 09/5/1990 và có nuôi một người con nuôi là anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 19/5/1977, nhưng bà và ông Việt không làm thủ tục nhận anh Nguyễn Văn Q làm con nuôi và bà không có giấy tờ gì chứng minh anh Nguyễn Văn Q là con nuôi.

Hiện nay cả hai người con con đã trên 18 tuổi trưởng thành bà Trần Thị S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Bà Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Văn V và người đại diện hợp pháp của ông V:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956; nguyên quán xã T, huyện TC kết hôn vào năm 1979 có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn nên bà Nguyễn Thị S bỏ nhà ra đi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ 2006 đến nay, tình cảm vợ chồng là không còn, bà Nguyễn Thị S xin ly hôn thì ông Nguyễn Văn V và người đại diện hợp pháp của ông V đồng ý.

Về con chung: Theo ông Nguyễn Văn V thì ông và bà Trần Thị S không có con chung vì ông là người bị nhiễm chất độc da cam nên không có khả năng có con.

Anh Nguyễn Văn P, sinh ngày 09/5/1990 là không phải con ông, việc giấy khai sinh của anh Nguyễn Văn P mang tên cha là Nguyễn Văn V là do bà Sâm đi khai sinh. Ông Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định AND để xác định mối quan hệ cha, con giữa ông và anh Nguyễn Văn P.

Đối với anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 19/5/1977 thì không có mối quan hệ gì với ông, anh Q không phải con nuôi của ông và bà S.

Hiện nay anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Văn P đã trên 18 tuổi trưởng thành nên ông Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Ông Nguyễn Văn V và người đại diện hợp pháp của ông Việt là anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2021 anh Nguyễn Văn Q khai: Anh là con nuôi ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1954 và bà Trần Thị S, sinh năm 1956. Anh không được đi học, anh không có giấy khai sinh, giấy chứng nhận nuôi con nuôi để nộp cho Tòa án. Anh không có giấy tờ gì thể hiện anh là con nuôi ông Nguyễn Văn V, bà Trần Thị S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị S được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Các con đã trên 18 tuổi trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về chia tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Trần Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án có bị đơn ông Nguyễn Văn V là người bị nhiễm chất độc da cam hiện đang được hưởng chế độ bảo trợ xã hội, thuộc trường hợp có khó khăn trong nhận thức quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho Viện kiểm sát cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm và bị đơn đã có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn V được xác lập vào năm 1979, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kết quả xác minh tại UBND xã TG, huyện TC là nguyên quán của bà Trần Thị S và UBND xã VL, huyện TC là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Trần Thị S, ông Nguyễn Văn V; kết quả xác minh tại Phòng Tư pháp UBND huyện Thanh Chương đều thể hiện bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn V không có đăng ký kết hôn.

Mặc dù bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn V không có đăng ký kết hôn, nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn V được xác lập trước ngày 03/01/1987 và hôn nhân của họ chưa chấm dứt, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và hướng dẫn tại án lệ số 41/2021/AL ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân Tối cao thì họ vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Trần Thị S xin ly hôn thì ông Nguyễn Văn V cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn V chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S, xử cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn V là đúng với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Theo bà Trần Thị S khai thì vợ chồng có 01 người con đẻ Nguyễn Văn P, sinh ngày 09/5/1990 và có nuôi một người con nuôi là anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 19/5/1977. Các tài liệu mà bà Trần Thị S cung cấp cho Tòa án và các tài liệu mà Tòa án thu thập chỉ thể hiện vợ chồng bà Trần Thị S, ông Nguyễn Văn V có 01 người con là anh Nguyễn Văn P, sinh ngày 09/5/1990.

Đối với anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 19/5/1977 thì ông Nguyễn Văn V không thừa nhận là con nuôi. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà S, anh Q không cung cấp được giấy tờ, tài liệu gì thể hiện anh Nguyễn Văn Q là con nuôi của ông V và bà S.

Kết quả xác minh tại UBND xã VL, huyện TC thể hiện anh Nguyễn Văn Q không được đăng ký khai sinh tại UBND xã VL, huyện TC và không thể hiện ông Nguyễn Văn V, bà Trần Thị S làm thủ tục nhận anh Nguyễn Văn Q làm con nuôi. Như vậy lời khai của bà Trần Thị S và anh Nguyễn Văn Q là không có căn cứ chấp nhận.

Hiện các con đã trên 18 tuổi trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về việc xác định Cha- Con;

Mẹ - Con thì các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản và nợ: Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn V và người đại diện hợp pháp của ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà là đúng với điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị S được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Trần Thị S.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã VL, huyện TC
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

